TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14-02-2020
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Chinh;

Bà Trần Thị Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Thắm- Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 14 tháng 2 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 302/2019/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Phan Quỳnh T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số nhà 14/1, đường H, phường 6, thành phố ĐL, tỉnh LĐ.

-*Bị đơn:* Anh Mai Văn S, sinh năm 1990. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố số 7, thị trấn TL, huyện HH, tỉnh Nam Định; Hiện đang chấp hành án tại: Phân trại số 6, trại giam TL- Cục 10- Bộ Công an; địa chỉ: Thị trấn YC, huyện NX, tỉnh Thanh Hóa.

(Chị T, anh S có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai đề ngày 03 tháng 12 năm 2019, nguyên đơn chị Trần Phan Quỳnh T trình bày:

Chị Trần Phan Quỳnh T đăng ký kết hôn với anh Mai Văn S vào ngày 16 tháng 7 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thịnh Long, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi chung sống

chưa được một tuần thì chị T và gia đình phát hiện anh S bị nghiện ma túy. Một thời gian sau, anh S còn thực hiện hành vi "Trộm cắp tài sản" và bị kết án. Sau đó, anh S về quê sinh sống tại thị trấn Thịnh Long, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó đến nay. Hiện tại, chị T được biết anh S đang chấp hành hình phạt tù tại phân trại 6, Trại giam Thanh Lâm- Cục 10- Bộ Công an ở huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa do phạm tội trộm cắp tài sản với án phạt 2 năm 06 tháng tù giam. Do vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay và tình cảm vợ chồng không còn nên chị T làm đơn xin được ly hôn với anh S.

- Về con chung: Chị T xác nhận vợ chồng không có con chung, hiện nay chị T cũng không có thai nghén gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên khi ly hôn chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28-12-2019, anh S đã có lời khai phù hợp với lời khai của chị T về thời gian kết hôn, thời gian sống ly thân. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh, anh S cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh S xác nhận không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do điều kiện anh S đang chấp hành án, không thể về Tòa án giải quyết ly hôn được nên anh S xin được vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, chị T, anh S có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T, anh S là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Phan Quỳnh T và anh Mai Văn S là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND thị trấn Thịnh Long, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 16-7-2015. Sau khi kết hôn được một thời gian ngắn, anh S, chị T phát sinh mâu thuẫn do anh S mắc nghiện ma túy và có hành vi vi phạm pháp luật nên bị kết án (hiện nay anh S đang chấp hành hình phạt tù tại phân trại 6, Trại giam Thanh Lâm- Cục 10- Bộ Công an ở Thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa). Kể từ đó vợ chồng sống ly thân và không liên hệ với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chông không còn nên chị T đề nghị xin được ly hôn với anh S, anh S nhất trí.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh S thấy: Cuộc sống chung giữa chị T, anh S đã chấm dứt nhiều năm do anh S phải chấp hành hình phạt tù,

mục đích hôn nhân không đạt được, chị T, anh S đều có nguyện vọng ly hôn nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị T, anh S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung và tài sản chung: Chị T và anh S đều xác nhận vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Phan Quỳnh T phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Phan Quỳnh T và anh Mai Văn S.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trần Phan Quỳnh T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 08851 ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu; chị Trần Phan Quỳnh T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Chinh **Trần Thị Phượng** **Vũ Văn Ái**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện + Tỉnh: 2 bản;
- Chi cục THA dân sự huyện Hải Hậu: 1 bản;
- UBND TT Thịnh Long: 01 bản;
- Đương sự: 02 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu văn phòng: 01 bản.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vũ Văn Ái

Nơi nhận:
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện + Tỉnh: 2 bản;
- Chi cục THA dân sự huyện Hải Hậu: 1 bản;
- UBND TT Cồn: 01 bản;
- Mỗi đương sự: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 02 bản;
- Lưu văn phòng: 01 bản.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vũ Văn Ái